TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Ông Phan Văn Truyện.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Đường V, khu phố 2, phường 2, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hoàng Đ, sinh năm: 1992

Nơi ĐKHK: khu phố 1, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An

(Bà H có mặt, ông Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2017 của bà H và những lời trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông Đ được hai bên gia đình tổ chức cưới vào năm 2010 và từ đó sống chung với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 09/4/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An (nay là thị xã K, tỉnh Long An). Cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ không chung thủy, thường uống rượu bia dẫn đến cãi nhau ngày càng trầm

trọng. Đến ngày 5/3/2016, thì hai bên quyết định sống ly thân. Đến nay đã hơn 01 năm nhưng hai bên không có thiện chí để hàn gắn lại. Bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Trong quá trình sống chung, bà và ông Đ có 02 con chung là cháu N, sinh ngày 10/01/2011; cháu C, sinh ngày 03/5/2014, hiện 02 con đang sống cùng ông Đ. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao 02 con chung cho ông Đ nuôi dưỡng, vì ông Đ có ý kiến yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con vì ông Đ không yêu cầu.

- Bị đơn ông Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và có lời trình bày như sau: Ông đồng ý ly hôn với bà H, đồng ý nuôi 02 con chung là cháu N, sinh ngày 10/01/2011 và cháu C, sinh ngày 03/5/2014, hiện 02 con đang sống cùng ông Đ, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Cam kết không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà H và ông Đ tự nguyện tìm hiểu tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, từ đó hai người chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Long An (nay là thị xã K, tỉnh Long An) theo giấy chứng nhận kết hôn số 74/2013, quyển số 01/2013. Nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông Đ là bị đơn cư trú tại phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt được Ủy ban nhân dân Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An xác nhận chữ ký vào ngày 25/8/2017 nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Vì cho rằng không còn tình cảm với ông Đ, không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Trong thời gian ly thân ông Đ cũng không có thiện chí để đoàn tụ. Ông Đ đồng ý ly hôn. Do đó, xét thấy cuộc sống chung giữa bà H và ông Đ mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu N sinh ngày 10/01/2011; cháu C, sinh ngày 03/5/2014, hiện 02 con đang sống cùng ông Đ. Sau khi ly hôn bà H đồng ý giao 02 con chung cho ông Đ nuôi dưỡng, ông Đ đồng ý, bà H không cấp dưỡng nuôi con vì ông Đ không yêu cầu. Đây là yêu cầu phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu N, sinh ngày 10/01/2011, giới tính: nam và cháu C, sinh ngày 03/5/2014, giới tính: nam, cho ông Đ chăm sóc, nuôi dưỡng; Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Buộc bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006496 ngày 25/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Long An. (Bà H đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt hay niêm yết bản án đúng theo quy định pháp luật.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Ngọc Anh – Phan Văn Truyện **Lê Thị Bích Tuyền**